



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VAN DUONG
Last Middle First

Current Address: 96/85 Sơn Hùng P 12 - Q Tân Bình TP HCM -

Date of Birth: 01/01/41 Place of Birth: Đã Nẵng -

Previous Occupation (before 1975) Captain
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/22/75 To 03/22/85
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>THUAN THI NGUYEN VU</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Số cần
thiết, miễn
ODP.

CA 4/12/81

Kính thưa ông,

Đây là hồ sơ của người anh họ tôi.

Dương Văn Nguyên, số, quan 61/2015/99
cấp, bậc Đại úy chỉ huy Phó Trung tâm
Thăm vấn Quân, đoàn I.

anh tôi có gọi hồ sơ qua,oghi đia chi
và telephone của ông, tôi có gọi điện,
hoặc qua máy bản, những chúng máy thông
gọi ông.

Tôi gọi tất cả hồ sơ của anh tôi nhớ,
ông giúp đỡ hồ, nếu hồ sơ thiếu sót
cần bổ túc, ông cứ liên lạc với tôi.
đ đia chi:

Thuan Thi Nguyen Vu

cảm ơn ông nhiều lần

Kính thư,

TB: Tôi gửi những
bản photocopy này
nếu cần bản chính
tôi sẽ gửi cho
ông sau.

Thuan Nguyen Vu

Lý lịch

Họ và tên:

Nguyễn Văn Dũng

Số quân:

61/Đoàn 549

Cấp bậc:

Đại úy

Chức vụ:

Chỉ huy phó trung tâm

Tham mưu Quân Đoàn I

X. Bc

7505

Quê hương bản thân

nam 1951 - 1961: Học sinh

29 - 9 - 61

nhập quân cho 12 số quân

thứ 10 của Đại

1 - 8 - 62

Đã thăng cấp bậc chuẩn

uý và Đại Đội - Tham mưu

vi Đoàn 2 Bộ Binh

1964

Đã và Chi Tiết 2 Phóng

cấp bậc chuẩn úy

1967

Đã và Phóng 2 Quân Đoàn I

cấp bậc: Trung úy nhân viên

làm trên đất của Biệt Động

quân của Quân Đoàn I

1969 - 1975

Đã và Trung tâm Tham

mưu Quân Đoàn I chức

4773-

1975

Vin Truon ban dien tap cấp ban đại úy
Tuy ban chon van chon vu chon
luy pho.

cái khoc huu mieu siyoi
khoc : can ban hiep loai : tai Singapore
nam 1967

khoc : tham van 1970 tai Okinawa
Tray mieu

khoc 4/74 khoc cao cấp hiep loai

gia dinh :

Vai nam the mien dan

21 Huyet chi Bao

Choi Ban

Nguyen chi can van

Nguyen chi can Han

Nguyen Anh Tuan

Nguyen Anh Kiet

Nguyen Anh Quang

Nguyen Anh Vinh

Nguyen Anh Lan

Nguyen Anh Hung

Nguyen Anh Kiem the chuy mien

Nguyen Anh Kiem

Số ... CRT

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTĐ, ban hành theo công văn số 2365 ngày 27 tháng 11 năm 1972

[illegible]

5154.12

GIẤY RA TRAI

Theo thông tư số 966-BCA, TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thí hành án văn, quyết định tha số ngày tháng năm

cua

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Đào Văn Tuấn Sinh năm 1941

Các tên gọi khác:

Neri sinh 11.02.1997

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt: Thị trấn Lôi Khê, huyện Bắc Trùng

11

Can roi Đổi lấy tiền và chỉ số

Bi bắt ngày 23/9/75 An phát 3507

Theo quyết định, Ấn văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án lần, cộng thành . . . năm . . . tháng ____

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 36/853m hẻm, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Đạo Phật ở ta: ở đời ta

Trình bày đơn báo cáo về tình hình chấp hành công vụ của

Thế hành nội cư của tôi là _____

PHÒNG NHÀ GIỐNG Y BẢN CHÁNH

Internet: www.viettel.vn hoặc gọi 190.1234

Ngày 22 tháng 03 năm 1956

TM. LENO Huỳnh 12

(Quản chế 12 tháng)

Độc cư ở phải trình diện tại UBND Phường, xã

Ngày ... tháng ... năm 19...

2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 2680, 2681, 26

đo tên, chữ ký

ကုမ္ပဏီ သုတေသန နှင့်

Ngày 15 tháng 5 năm 1965

1991

Figure 1. *Staphylococcus aureus* strains.

יבן יבן יבן

1945

201 15:

INTERNATIONAL SANITARY REGULATIONS
 RÈGLEMENT SANITAIRE INTERNATIONAL
 OF
 DE VACCINATION
 CERTIFICATS INTERNATIONAUX
 OF VACCINATION
 INTERNATIONAL CERTIFICATES
 WORLD HEALTH ORGANIZATION
 ORGANISATION MONDIALE DE LA SANTÉ

Issued to
 Delivered to
 Passport No.
 Travel Document No.
 Number of passport
 de la pièce justificative

QUARANTINE OFFICE SAIGON
 REPUBLIC OF VIET-NAM



THU HỒI BẰNG LÁI XE

Từ _____ đến _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Từ _____ đến _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

CẢNH CÁO

Cảnh cáo lần thứ _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

Cảnh cáo lần thứ _____
 lý do _____
 U.B.R.B.I.X.V.B. _____

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 BỘ QUÂN LỰC
 QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BẰNG LÁI QUÂN-XA

CHÚ Ý : Bằng này chỉ có giá trị trong thời gian tại ngũ và chỉ cho phép lái quân-xe.

Trừ khi có ghi chú đặc biệt ở phía sau, bằng này không cho phép lái những hạng xe sau đây :

1. - Xe chuyên chở hàng cộng.
2. - Xe trọng tải hàng :
 - a) cam nhòng 3.000 kilô
 - b) máy kéo
3. - a) Xe ô tô xích
b) Máy kéo quân sự
4. - Xe quân hai bánh.

Nhà chức trách quân sự có quyền rút lại bằng này bất cứ lúc nào.

Quốc gia nào có bằng này có thể làm đơn cho Trường Ty Công-chánh tỉnh mình để đòi lấy bằng lái xe dân sự đồng hạng nhưng phải trả phí cho việc cấp bằng này.

Ban-vị bổ nhiệm phải ghi số của bằng lái quân-xe, ngày cấp phát, tên, họ, cấp độ, số quân của người có bằng, số của những chiếc xe gia hiệu.

BẢNG LÁI QUÂN-XA

SỐ 10604

Cấp cho (1) NGUYEN-VAN-DUONG
cấp bậc Đại úy s. 61/204549
sinh ngày 1941
tại tỉnh Thừa - Thiên
Đơn vị bổ-nhậm KBC 7505

Đơn vị Huấn-luyện KBC-6490
Tà KBC 3153 ngày 20-02-74

12/Thị trấn Ta Lơ - CONG-MAR



GHI CHÚ GIA HIỆU

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

GHI CHÚ GIA HIỆU

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

Được phép lái

Tại ngày

(2)

CHANH CHỦ KHẨU

SỐ

INTERNATIONAL CERTIFICATE OF VACCINATION OR REVACCINATION AGAINST SMALLPOX CERTIFICAT INTERNATIONAL DE VACCINATION QU DE REVACCINATION CONTRE LA VARIOLE

This is to certify that
Je soussigné (e) certifie que } NGUYEN date of birth } 1941 sex } M
whose signature follows } né (e) le }
dont la signature suit } VAN DUONG }
has on the date indicated been vaccinated or revaccinated against smallpox with a freeze-dried or liquid vaccine certified to fulfil the recommended requirements of the World Health Organization.
a été vacciné (e) ou revacciné (e) contre la variole à la date indiquée ci-dessous, avec un vaccin lyophilisé ou liquide certifié conforme aux normes recommandées par l'Organisation Mondiale de la Santé.

Date	Show by « X » whether indiquer par « X » s'il s'agit de :	Signature and professional status of vaccinator Signature et qua- lité professionnelle du vaccinateur	Origin and batch N° of vaccine Origine du vaccin et numéro du lot	Approved Stamp Cachet d'authentification	
1 a	Primary vaccination performed Primo vaccination effec- tuée			1 a	1 b
1 b	Read as successful Prise Un successful Pas de prise		0028K		
2	Revaccination				
3	Revaccination				
4	Revaccination			4	5
5	Revaccination				

The validity of this certificate shall extend for a period of three years, beginning eight days after the date of a successful primary vaccination or in the event of a revaccination, on the date of that revaccination.

The approved stamp mentioned above must be in a form prescribed by the health administration of the territory in which the vaccination is performed.

Any amendment of this certificate, or erasure, or failure to complete any part of it, may render it invalid.

La validité de ce certificat couvre une période de trois ans commençant huit jours après la date de la primo vaccination effectuée avec succès (prise) ou dans le cas d'une revaccination, le jour de cette revaccination.

Le cachet d'authentification doit être conforme au modèle prescrit par l'administration sanitaire du territoire où la vaccination est effectuée.

Toute correction ou rature sur le

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ
DƯỢC VIỆN DUY TÂN

Số 843 / TTV/DT/VN

(~~Độc lập tên họ có quân được phân định~~) : TRU NGUYỄN VĂN DƯƠNG
SQ 204.549

ĐƠN - VỊ : ĐO LƯỢNG KHU QUẢN LÝ DƯỢC TS DUY TÂN

Ngày vi phạm : 19.3.68 Xếp loại : 8.5.68

KẾT LUẬN VIỆC GIÁM ĐỊNH :

1. Y - ĐIỆN :

: E : V : A : S : I : F : X : CHU LỊCH

Y-điện cũ : : : : : : : :

Y-điện mới : 1 : 1 : 1 : 1 : 4 : 1 : 1 :

2. Nhận xét thay đổi nhận thức trong tình trạng sức khỏe :

PRELURE DU TEMA G.

3. KẾT - LUẬN :

a) ~~Thay đổi nhận thức cho đúng về tình~~
~~thức của các bệnh nhân có chức vụ như QUẢN LÝ~~
LƯU DỮNG.

Loại 2

b) ~~Độc lập hoặc quyết định~~ :

c) ~~Thay đổi nhận thức trên có tính cách~~ :

~~Thay đổi nhận thức~~ :

~~Thay đổi nhận thức của các bệnh nhân có chức vụ như~~ :

~~Thay đổi nhận thức của các bệnh nhân có chức vụ như~~ :

~~Thay đổi nhận thức của các bệnh nhân có chức vụ như~~ :

~~Thay đổi nhận thức~~ :

Y TẾ TÂN :

Ngày 2 / 9 / 68

CHỈ HUY TRƯỞNG TTV/ DUY TÂN
Y sĩ Thiệu - Tá PHẠM VĂN TỐ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG Y TẾ
Y sĩ Đại úy NGUYỄN QUANG VINH

MAI HUAN :

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH HAY THÀNH - PHỐ
ĐA - NANG

QUẬN
XÃ THẠC-GIAN

Số hiệu 46

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Tên họ người chồng NGUYỄN - VĂN - DƯƠNG

Nghề nghiệp QUẢN NHÂN

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1941

Tại Thạc-Gián Đà-Nẵng

Cư-sở tại -

Tạm trú tại KBC. 4.929

Tên họ cha chồng NGUYỄN - VĂN - NGŨ (chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng NGUYỄN - THỊ - THỜI (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ NHAN - THỊ MẪU - ĐƠN

Nghề nghiệp Nổi-trợ

Sinh ngày 01 tháng 8 năm 1938

Tại MỸ - XUYỀN - SÓC - TRANG

Cư-sở tại -

Tạm trú tại Thạc-gián Đà-Nẵng

Tên họ cha vợ NHAN - KHAC - NAM (sống)

(Sống hay chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ VƯƠNG - THỊ - LIÊNG (chết)

(Sống chết phải nói)

- Ngày cưới Ngày 14 tháng 8 năm 1962

- Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước : /

ngày / tháng / năm /

Tại /

Trích y bản chính

THẠC-GIAN, ngày 14 tháng 8 năm 1962

Văn chức Hộ tịch,

TRƯỞNG NGANG BÔNG

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM **BA MIỀN**
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE **BA MIỀN**)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH **Xã 15/1/1938**
(Extrait du registre des actes de naissance)

Họ và tên **Trần Văn Năm** (NAM PHÀN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM **1938**
(Année)

SỐ HIỆU **251**
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Trần Văn Năm
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	15/1/1938
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Thị trấn 15/1/1938
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Trần Văn Năm
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thị trấn 15/1/1938
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Trần Thị Liêng
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Propriétaire
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Thị trấn 15/1/1938
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh;
(Pour extrait conforme)

CHÁNH LỤC-SỰ, ngày **15/1/1938**
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền **15 \$ 00**
(Cout)

Biên-lai số: **1728**
(Quittance No)

TRẦN VĂN HIỂN

Mẫu HT3/P3

Thành phố, Tỉnh ~~Saigon~~

S6 55/PIN

Quyền số _____

Ngày 17 tháng 1 năm 1984



đóng dấu
phóng



KHAI-SINH

Tên họ đầu nhi	NGUYỄN - THỊ CHÁ - VĂN
Phối	Lai
Sinh	Ngày hai mươi bảy, tháng năm,
(Ngày, tháng, năm)	Lưu một ngàn chín trăm sáu mươi ba (27-5-1963)
Tại	ĐƯỜNG DƯƠNG THÁNH PHẠM LÊ-SÔNG
Cho	Nguyễn-Văn-Dương
(Tên, họ)	
Tuổi	23 tuổi
Nghề	Quân nhân
Cư-trú tại	Thảo-Điền, Lê-Sông
Mẹ	Nhan-Thị Kiều-Don
(Tên, họ)	
Tuổi	25 tuổi
Nghề	Khai trơ
Cư-trú tại	Thảo-Điền, Lê-Sông
Vợ	Chánh
(Chánh hay thứ)	
Người khai	Nguyễn-Văn-Dương
(Tên, họ)	
Tuổi	23 tuổi
Cư-trú tại	Thảo-Điền, Lê-Sông
Ngày khai	Ngày 01 tháng 6 năm 1963
Người chứng thứ nhất	Cố giấy chứng nhận của
(Tên, họ)	
Tuổi	DƯƠNG DƯƠNG THÁNH PHẠM
Nghề	Số 263, Đường Phan-Chu-Trình
Cư-trú tại	Lê-Sông cấp ngày 27-5-1963
Người chứng thứ nhì	-ot-
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	

Lập lại tại Thảo-Điền

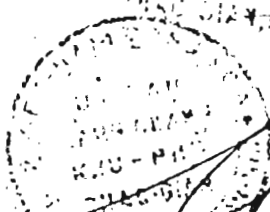
Người khai,
Nguyễn-Văn-Dương

Hộ lại,

Ngày 01 tháng 6 năm 1963

Nhân chứng,

X

PHUNG THACH LAM
Ngày 1 tháng 6 năm 1963
HỒ LẠI

HỒ LẠI

Tên họ ấu nhi NGUYỄN-THỊ-THU-HẰNG
 Phái Nữ
 Sinh 7 tháng 10 năm 1964
 Ngày, tháng, năm)
 Tại Đà-Nẵng
 Cha Nguyễn-văn-Dương
 (Tên, họ)
 Tuổi 25 tuổi
 Nghề Quân-Nhân
 Cư-trú tại K.B.C 4277
 Mẹ Phan-thị-Hầu-Ion
 (Tên, họ)
 Tuổi 26 tuổi
 Nghề Công chức
 Cư-trú tại Thạc-Gián Đà-Nẵng
 Vợ Chánh
 (Chánh hay thợ)
 Người khai Nguyễn-văn-Dương
 (Tên, họ)
 Tuổi 25 / tuổi
 Nghề Quân-Nhân
 Cư-trú tại K.B.C 4277
 Ngày khai 7 tháng 10 năm 1964

Người chứng thứ nhất Dương
 (Tên, họ)
 Tuổi Phòng
 Nghề Thành Bảo-Bảo
 Cư-trú tại 263, Phan-châu-Trình Đà-Nẵng
 Người chứng thứ nhì - nt -
 (Tên, họ)
 Tuổi
 Nghề
 Cư-trú tại

Lập tại xã Phác Gián ngày 7 tháng 10 năm 1964
 Người khai Hộ tại Nhân chứng



Cao Văn Hu
 7/10/64

Tên họ Âu nhĩ NGUYỄN VĂN TÙNG
 Phái Nam
 Sinh hai mươi bốn tháng mười một năm một ngàn
 (Ngày tháng năm)
chín trăm sáu mươi lăm (24-11-1965)
 Tại Thị trấn Đà Nẵng
 Cha NGUYỄN VĂN DƯƠNG
 (Tên họ)
 Tuổi hai mươi bốn tuổi (24)
 Nghề Quân nhân
 Cư trú tại K.B.C. 4.277
 Mẹ NGUYỄN THỊ THU DUNG
 (Tên họ)
 Tuổi hai mươi bảy tuổi (27)
 Nghề Công chức
 Cư trú tại 31 xóm Trung Hòa - Thị trấn Đà Nẵng
 Vợ Chính
 (Chánh hay thứ)
 Người khai NGUYỄN VĂN DƯƠNG
 (Tên họ)
 Tuổi hai mươi bốn tuổi (24)
 Nghề Quân nhân
 Cư trú tại K.B.C. 4.277
 Ngày khai hai mươi lăm tháng mười một năm một
ngàn chín trăm sáu mươi lăm (25-11-1965)
 Người chứng thứ nhất ĐƯƠNG DƯƠNG THANH PHO - LỘ
 (Tên họ)
 Tuổi 263 PHẠM QUANG TRUNG ĐÌNH HẮNG
 Nghề
 Cư trú tại
 Người chứng thứ nhì
 (Tên họ)
 Tuổi
 Nghề
 Cư trú tại

Lập tại xã _____ Ngày tháng năm 196
Người kê khai **Thạc Sĩ Nguyễn Văn Thọ** 25 Nhân chứng 5

NGUYEN-VAN-DUONG

John W. ...

15-11-2013
 Leo van Huyen
 09-11-2013

DUANE

KHAI SINH

36 biên 2621

Ấu nhi Tên họ	NGUYỄN - ANH - KIẾT
Phái	Nam
Sinh (Ngày tháng năm)	Ngày mười ba, tháng tám, năm mốt ngàn chín trăm sáu mươi tám (13-08-1968)
Tại	Thảo-Giản, Đà-Nẵng
Cha (Tên họ)	Nguyễn-Văn-Dương
Tuổi	Sinh năm 1941
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	KBC. 4277
Mẹ (Tên họ)	Phan-Thị Mầu-Lem
Tuổi	Sinh năm 1938
Nghề nghiệp	Koi trư
Cư trú tại	Thảo-Giản, Đà-Nẵng
Vợ	Chánh
Chánh hay thế)	
Nghề nghiệp	Nguyễn-Văn-Dương
Cư trú tại	Quân nhân
Ngày khai	KBC. 4277
	Ngày mười bốn, tháng tám, năm mốt ngàn chín trăm sáu mươi tám (14-08-1968)
Người chứng thư số:	
Tên họ	Cố giấy chứng nhận của
Tuổi	
Nghề nghiệp	ĐÔNG SƯỞNG THẮNG PHẠO LỘ, Đ. N.
Cư trú tại	cấp ngày 13-08-1968.
Người chứng thư số	
Tên họ	Như trên
Tuổi	
Nghề nghiệp	
Cư trú tại	//

Làm tại THẢO-GIẢN ngày 14 tháng 08 năm 1968
 Người khai
 NGUYỄN VĂN DƯƠNG
 Nhận chứng
 X

SỐ HIỆU 4433

KHAI-SINH**CHỨNG-THẬT**

Chúng tôi Chủ Tịch UBND
Khu Phố Thạc-Gián

Chứng nhận bà :

Nhan Thị Mậu Đơn và ông
Nguyễn-Văn-Dương
Cố Song Sinh được hai
trai

01 NGUYỄN-ANH-VINH

02 NGUYỄN-ANH-QUANG

Thạc-Gián Ngày 07-II-69

CHỦ-TỊCH

Tên họ đầu nhi	NGUYỄN-ANH-VINH (Song-Sinh)
Phái	Nam
Sinh	Ngày bảy tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (07-11-1969)
Tại	Thạc-Gián ĐÀ-NẴNG
Cha	Nguyễn-Văn-Dương
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1941
Nghề	Quân-Nhân
Cư-trú tại	KBC 4109
Mẹ	Nhan-Thị-Mậu-Đơn
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1938
Nghề	Công-Chức
Cư-trú tại	Thạc-Gián ĐÀ-NẴNG
Vợ	Chánh
(Chánh hay thứ)	
Người khai	Nguyễn-Văn-Dương
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh năm 1941
Nghề	Quân-Nhân
Cư-trú tại	KBC 4109
Ngày khai	Ngày bảy tháng mười một năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (07-11-1969)
Người chứng thứ nhất	Cố giấy chứng nhận của Nhà Hộ
(Tên, họ)	
Tuổi	Sinh Dương Dương Thánh PHAOLÔ
Nghề	Cấp ngày 07-II-1969
Cư-trú tại	
Người chứng thứ nhì	-nt-
(Tên, họ)	
Tuổi	
Nghề	
Cư-trú tại	

Lập tại xã Thạc-Gián, ngày 07 tháng 11 năm 1969

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng,

Nguyễn-Văn-Dương

CHỦ TỊCH UBND

Ngày 07 tháng 11 năm 1969

THẠC-GIÁN ĐÀ-NẴNG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh Đà-Nẵng
Quận Nhi
Xã Phường Thạc-Gián
Số hiệu 1080

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH

Lập ngày 23 tháng 09 năm 1974

Tên họ đứa trẻ NGUYỄN-ANH-LÂN
Con trai hay con gái Trai
Ngày sinh Ngày hai mươi hai tháng chín năm một
ngàn chín trăm bảy mươi tư (22.09.1974)
Nơi sinh Thạc-Gián ĐÀ-NẴNG
Tên họ người cha Nguyễn-văn-Dưỡng
Tên họ người mẹ Nhan-thị Mẫu-Dơn
Vợ đang hay không có hôn thú Vợ Chánh
Tên họ người đứng khai Nguyễn-văn-Dưỡng

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

ngày 21 tháng 09 năm 1974

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐÓNG CHỮ

PHUONG
THAC GIAN
VO-VAN-Y

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 948

Quyển số 01

Họ và tên	NGUYỄN HUỲNH THỊ MAI TRANG		Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng , năm	31-07-1972. Ba mươi một, tháng bảy, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.		
Nơi sinh	Thạc Gián, Đà Nẵng.		
Khai về cho, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN DƯƠNG 1-1-1941	HUỲNH THỊ BA 30-12-1939	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng		
Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Dương - 1941 Ấp Tổng Càng, xã Liêu Trí, huyện Long- Phước, Hậu Giang.		

(Tạm trú Dân số/HCT)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH:

Ngày 10 tháng 03 năm 85

TM/UBND _____/12 ký tên đóng dấu

Đứng ký, ngày 15 tháng 03 năm 1985

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

CAND XÃ

PCA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Cầu.

Phó Chủ tịch

Mai Cẩm Tú



Phuò: g (Xã).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số: 423

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

Vũ học môn toán đến trường

Chứng nhận ông *[Signature]* *[Name]* *[Address]* *[City]* *[District]* *[Province]* *[Date]* *[Initials]* *[Stamp]*

Sinh ngày 1-1-1971 tại Định Hải - Hải Phòng

Căn cứ số _____ cấp tại _____ ngày _____.

Nghề nghiệp: học sinh hiện ngụ tại: 16/55 Đường Hùng Vương, P.12

Có trình diễn tại Phường:

Bà Nguyễn Thị Bưởi là vợ sinh ngày 30/12/1939

Tại 134/111, đường Lê Lợi do giấy hôn thú số _____

Cấp tại _____ ngày y _____

và những đứa trẻ có lên sân đây:

1) Nguyễn Văn Chí Minh sinh năm 31-7-72 tại Tên

2) Dũng sinh năm 1980 tại Hà Nội

3) _____ sinh năm _____ tại _____

4) _____ sinh năm _____ tại _____

5) _____ sinh năm _____ tại _____

6) _____ sinh năm _____ tại _____

7) _____ sinh năm _____ tại _____

8) _____ sinh năm _____ tại _____

9) _____ sinh năm _____ tại _____

10) / sinh năm / tại /

Là vợ con đương sự do tờ khai gia đình hôn thú khai sinh xuất trình hiện nay còn sống chung với đương sự.

Chứng chỉ này được cấp phải đề liên dụng và chấp chiếu.

Ngày 24 tháng 02 năm 1985

PHƯƠNG 12



Phó Chủ tịch

Phải nói là

THUAN NGUYEN VN



RETURN ADDRESS

OAKLAND CA 946 APR

12

1985

OAKLAND CA 946

APR

PM

FIRST CLASS MAIL

P. O. Box 5435
ARLINGTON, VA 22205